

Vua Minh Mệnh và những vấn đề của văn hóa triều Nguyễn

Trần Nguyên Việt¹

Nhận ngày 15 tháng 6 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 22 tháng 8 năm 2021.

Tóm tắt: Trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam có không ít các quân vương anh minh và tài đức, được sử sách lưu truyền và ca tụng. Dưới triều Nguyễn, triều đại cuối cùng của chế độ phong kiến Việt Nam, có vua Minh Mệnh (1820 - 1841) cũng là một trong số các quân vương ấy. Trong suốt thời kỳ trị vì, ông luôn lấy vua Lê Thánh Tông (1460 - 1497) làm tấm gương cả về đường lối cai trị và chủ trương phát triển văn hiến của dân tộc. Ông là người dành sự quan tâm đặc biệt đến văn hóa Đại Nam đương thời với những vấn đề như văn chương, thi phú và đặc biệt là đưa ra chủ trương khẩn cấp về sưu tầm, biên soạn thành sách các di sản văn hóa đang được lưu truyền trong dân gian dưới mọi hình thức để tránh mai một.

Từ khóa: Minh Mệnh, văn hóa đọc, văn chương, văn hiến, triều Nguyễn.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: In the history of Vietnamese feudalism, there were quite a few just, wise, talented and virtuous monarchs, who were written about and admired in history books. During Nguyen dynasty, the last dynasty of the country's feudalism, King Minh Menh (1820 - 1841) was one of such monarchs. While on the throne, he was always looking at King Le Thanh Tong (1460 - 1497) as an example both in terms of the way of ruling and the orientation of developing the nation's culture and civilisation. He was a person who paid special attention to the contemporary culture of Dai Nam, the name of the country at that time, with genres of prose, poetry and compositions. Especially, the king ordered the urgent collection of cultural heritage which was existing among his subjects, and its compilation into books in any form to prevent it from falling into oblivion.

Keywords: King Minh Menh, reading culture, literature, culture and civilisation, Nguyen dynasty.

Subject classification: Philosophy

¹ Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: tranguyenviet@yahoo.com

1. Mở đầu

Trong số các quân vương trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam, có thể khẳng định rằng, vua Lê Thánh Tông (1460 - 1497) dưới thời Lê sơ và vua Minh Mệnh (1820 - 1841) dưới thời Nguyễn là những bậc quân vương quan tâm đến văn hóa nhiều nhất. Ngoài văn hóa chính trị, một loại hình văn hóa hướng tới mục tiêu nhân văn theo tinh thần Nho giáo, ở đó vấn đề trị quốc an dân, quan hệ vua tôi được đặt lên hàng đầu, còn có các loại hình văn hóa khác như: văn chương, văn hóa giáo dục... và đặc biệt là văn hóa dân gian, được các vị vua này quan tâm với những quan niệm, quan điểm khác nhau. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung phân tích quan điểm của vua Minh Mạng về những vấn đề văn hóa được thể hiện qua tác phẩm *Minh Mệnh chính yếu*, thiên thứ mười bảy: “Mục sùng văn”.

2. Quan niệm của vua Minh Mệnh về vai trò văn chương

Trước hết, vua Minh Mệnh là người đề cao giới trí thức Nho học, đặc biệt là các quan văn luôn được đối xử cao hơn quan võ. Cụ thể, năm Minh Mệnh thứ 5 (năm 1824), “vua ra lệnh cho các quan trong kinh, văn từ hàm tòng tam phẩm, võ từ hàm tòng nhị phẩm trở lên, đều được dự bàn trong triều đình. Sau lại cho quan văn tuy chưa đến tam phẩm mà đã liệt vào hạng đường quan đều được dự” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1994, tr.14). Đặc biệt, trong việc hoàn thiện bộ máy nhà nước, năm 1822, Minh Mệnh thiết lập Hàn lâm viện, một cơ quan tách riêng khỏi Văn thư phòng để phụ trách công việc soạn thảo các chiếu, sách, chế, cáo của nhà vua ban bố cho quần thần hoặc toàn dân. Đứng đầu Hàn lâm viện là Chương viện Học sĩ, trật Chánh tam phẩm và Trực học sĩ trật Chánh tam phẩm, các thuộc viên từ Thị độc Học sĩ, trật Chánh tứ phẩm cho đến Đãi chiếu, trật Tòng cửu phẩm. Do đó, việc tuyển dụng nhân viên Hàn lâm viện rất thận trọng. Những người được tuyển dụng hầu hết đỗ đại khoa, có tài văn học và viết tốt.

Để có trình độ học vấn, đạt giải cao qua các kỳ thi do triều đình tổ chức, những quan văn của Hàn lâm viện nói riêng, các quan văn thuộc các phẩm trật khác trong triều đình nói chung, đều phải trải qua quá trình học tập và tu dưỡng, phải đọc nhiều sách, hiểu rộng và sâu các vấn đề của văn hóa phương Đông. Chính vì vậy, Minh Mệnh rất chú trọng đến văn hóa đọc, khuyến khích các quan bằng mọi khả năng tìm sách đọc để nâng cao trí lực con người. Ông xuống dụ cho quần thần rằng: “Xem sách rất có ích cho thân trí con người, nay trong phủ chứa sách rất nhiều, các người trong khi việc công nhàn rỗi, nên mượn về nhà xem; sau có đi sứ Đại Thanh thì nên hỏi mua sách cổ thi, kỳ thư, và bí văn mà xem” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1994, tr.77). Bản thân ông là người rất ham đọc sách, ai đem hiến sách thì có thưởng. Đối với ông, sách là nguồn tư liệu về sự hưng vong của chế độ, là kinh nghiệm quý báu cho việc trị nước. Ông nói: “Trẫm sau khi làm muôn việc nhàn rỗi, mở sách ra coi những sự tích hưng phế và chế độ đổi thay của các đời trước, cùng là các nhân vật hay dở, phong thổ dị đồng, thường nghĩ góp nhặt lấy để tham khảo. Xét Bắc thành là đất văn hiến, ai có sách vở đời trước để lại, hoặc tạp chí của tư gia và bí thư của ngoại quốc, đều cho phép đem đến hiến, trẫm sẽ hậu thưởng” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1994, tr.78-79).

Nhận thức rất rõ tầm quan trọng của sách và văn hóa đọc, vua Minh Mệnh coi đó là một trong những nguồn gốc của nhân tài. Nguyên tắc của Nho giáo về con đường tu thân “bát điều mục” (cách vật, trí tri, thành ý, chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ) trở thành kim chỉ nam cho những ai có chí học tập và tự tu dưỡng để có đủ phẩm chất và năng lực tiến thân. Chính vì vậy, Khổng Tử (551 - 479 TCN) là người sáng lập Nho gia từng nhấn mạnh rằng: “Từ thiên tử cho chí thường dân, ai cũng phải lấy tu thân làm gốc” (Chu Hi: *Tứ thư tập chú*, Nguyễn Đức Tân dịch và chú giải, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1998, tr.18). Từ khi nhà Nguyễn thiết lập vương triều (năm 1802) cho đến thời trị vì của mình, vua Minh Mệnh vẫn thấy trình độ của thuộc hạ không đáp ứng kỳ vọng của triều đình: “Khi trăm làm thái tử để tâm vào sách vở, các sử đời Hán, Đường, Tống, Nguyên và Minh, không sử nào là không xem, nhưng không được nhớ cho lắm; chợt nghĩ đến việc đời Nguyên và Minh đem ra hỏi các bầy tôi, thì không ai trả lời được, đáng chùng chưa đọc đến sử ấy chăng?” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1994, tr.80-81). Khi đó, Quang lộc tư khanh Phan Huy Thực thưa với vua rằng: “Từ đời Lê lại đây, người học về cử nghiệp (học để đi thi) chỉ đọc các sử Hán, Đường, Tống để đi thi mà thôi” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1994, tr.80-81). Nghe vậy, vua bảo rằng: “Từ đời Nguyên, Minh đến Đại Thanh không dưới sáu bảy trăm năm, xét đến ngày nay thì từ Tống trở lên đã là thái cổ rồi, kẻ học giả lại bỏ gần mà cầu xa thế là sao?” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1994, tr.80-81). Nói xong, vua quay sang quan Thiêm sự (tức Lang trung Lê Văn Đức) để vị này làm rõ thêm. Văn Đức thưa rằng: “Thần sở học là học cái văn cử nghiệp đó thôi” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1994, tr.80-81). Vua bảo rằng: “Văn cử nghiệp chỉ câu nệ sáo cũ hủ lậu, mà hành diện với nhau, dựng riêng ra một môn, nhân phẩm cao thấp ở đấy, khoa trường lấy đậu hay không do ở đấy, vậy nhân tài ngày càng kém, không lấy gì làm lạ vậy; nhưng tập tục nhai duyên đã lâu, khó mà đổi ngay được, vài năm sau nên bàn thay đổi dần” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1994, tr.80-81).

Như vậy, vua Minh Mệnh đã nhận thức được rõ rằng lối học từ chương của Tống Nho chủ yếu được áp dụng cho việc đi thi và làm quan (cử nghiệp) đã trở nên lỗi thời, không giúp ích gì cho việc đào tạo nhân tài cho đất nước. Ông coi lối học đó là “sáo cũ hủ lậu”, và còn là nguyên nhân làm cho nhân tài ngày càng kém. Điều đó đã thúc đẩy ông tiến hành một loạt cách thức mới về giáo dục và khoa cử, đồng thời tạo nên nét văn hóa, giáo dục mang đậm tính cách nhà nho, nhà vua Minh Mệnh.

3. Quan niệm của vua Minh Mệnh về vấn đề giáo dục - khoa cử

Năm Minh Mệnh thứ nhất (1820), vua Minh Mệnh xuống dụ cho Nguyễn Hữu Thận rằng: “Trăm lâu nay chú trọng về văn học, ý muốn bồi bổ nhân tài mà nhân tài chưa được bao nhiêu, hoặc tự cất nhắc người ty tiện, còn chưa được như cổ nhân chăng?”. Hữu Thận tâu nói: “Sự dạy bảo phần nhiều chưa được người giỏi, cho nên nhân tài ít có người thành tựu” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1994, tr.77-78). Nguyễn Hữu Thận nêu hai vấn đề: nội dung giáo dục và cách tổ chức giáo dục chưa đem lại kết quả mong muốn. Minh Mệnh

là vị vua có trình độ Nho học khá uyên bác, lại chú trọng đến văn học, tức là các kinh điển của Nho gia cũng như của một số học thuyết nổi tiếng của Trung Hoa cổ trung đại. Tạm gác nội dung “day bảo” sang một bên, chúng ta thấy chủ trương của ông về thay đổi cách thức tổ chức giáo dục, mà trước hết là nguồn nhân lực cho lĩnh vực này.

Để có nguồn nhân lực thúc đẩy lĩnh vực giáo dục phát triển, vua Minh Mệnh nhận thấy việc mở các khoa thi để tìm người tài trong thiên hạ là việc làm vừa cấp bách, vừa lâu dài. Ông xuống chiếu rằng: “Thánh nhân lưu ơn lại không gì bằng gây dựng cho người, mà kẻ vương giả ra ơn không gì bằng mở khóa thi chọn lấy kẻ sĩ. Hoàng khảo Thế tổ Cao Hoàng đế ta, mở khoa thi lấy kẻ sĩ, cứ năm Mão năm Dậu mở khoa thi Hương đã có lệ thường. Nay trẫm noi theo cơ đồ lớn, khuếch trương pháp độ, thần dân trong triều ngoài quận không ai là không được nhờ ơn trạch, nay muốn mở rộng ra khắp nhà nho, để rộng thêm cái đức thịnh hiếu văn của Hoàng khảo” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1994, tr.78). Như vậy, chủ trương của vua Minh Mệnh về mở khóa thi cho mọi thần dân có khả năng, đặc biệt là “mở rộng ra khắp nhà nho” cho thấy, ông tiếp tục nâng Nho học lên vị thế cao, xứng đáng với vai trò bệ đỡ hệ tư tưởng trong đường lối trị nước của ông.

Tuy nhiên, vấn đề ở chỗ sau các khóa thi do triều đình mở, việc sử dụng nhân tài phải như thế nào để họ phát huy năng lực của mình trong việc phụng sự triều đình. Do đó, năm Minh Mệnh thứ ba, vua đến nhà Văn Miếu làm lễ Thỉnh điện (lễ Thánh sư), xuống dụ cho bộ Lễ rằng: “Thánh sư² là bậc chí tôn về lễ nhạc muôn đời, các vị Minh vương đời cổ không ai là không tôn thờ, khi trẫm bái yết, cung kính như Thánh sư giám lâm, lại càng thêm nghiêm kính; vậy các quan viên giữ việc phân hiến hay bồi tế, đều nên kính cẩn việc của mình, để tỏ cái ý tôn sư trọng đạo. Vua xuống chiếu cho quan nhà Quốc tử giám tuyển các sĩ tử đậu cao, lấy một trăm người bổ làm Giám sinh” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1994, tr.79). Như vậy, vua Minh Mệnh coi việc tế lễ Thánh sư ngang bằng với việc tế thần, nghĩa là chủ tế phải thể hiện lòng thành kính, phải quan niệm thánh thần và tổ tiên như đang hiện diện trước mặt mình để biết kính và sợ (tế như tại).

Sau những việc nêu trên, vấn đề quản lý và giáo dưỡng sinh viên cần được chỉnh đốn từ sinh hoạt cho đến học tập và khảo hạch. Vua xuống dụ cho bộ Lễ rằng: “Nhà Quốc tử giám là chỗ trù súc nhân tài, gần đây đặt thêm sinh viên, lại cấp lương cho, sự bồi dưỡng tác thành đến nay không phải một ngày, các sinh viên thâm nhuần đạo học, cũng đã có thành tựu. Nay ra lệnh các viên Tế tửu chọn lấy 30 tên, do bộ ra bài sát hạch lại, để tùy tài ghi tên bổ dụng. Rồi bọn Tế tửu Trần Trọng Huyền đem danh sách tâu lên” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1994, tr.82). Tuy nhiên, vào năm Minh Mệnh thứ 6 (1825), Tế tửu Trần Trọng Huyền trong quá trình khảo khóa đã để xảy ra sai sót, nhân việc đó vua Minh Mệnh nói: “Bọn Trần Trọng Huyền là người thầy, làm tiêu biểu cho mọi người, ngày thường không chăm huấn luyện, đến khi tuyển cử lại không tinh, thực là phụ với chức phận của mình lắm vậy” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1994, tr.83). Sau đó, Trần Trọng Huyền bị phế truất.

Không chỉ chú ý đến trách nhiệm của các cơ quan nhà nước đối với vấn đề quản lý, giáo dục đạo đức cho sinh viên, vua Minh Mệnh cũng quan tâm đến chương trình giảng dạy. Trong lời dụ cho bộ Lễ, ông nói: “Quốc gia đặt ra nhà Quốc tử giám là để nuôi dưỡng nhân tài, nên chọn những người có đức vọng về văn học làm thầy dạy, còn chương trình giảng dạy

² Thánh sư: người thầy được tôn thành bậc thánh.

cũng nên chúc lượng mà bàn” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1994, tr.83). Do đó, “bộ [Lễ] bàn xin trong học đường, trước hết phải giảng ngũ kinh và tứ thư để hiểu rõ nghĩa lý, rồi giảng đến sách chư tử và chư sử để thông hiểu sự lý; cứ mỗi tháng bốn lần khảo hạch, hoặc học thêm văn thù phụng mà ra bài hỏi những việc đời nay, để cho học sinh có lịch thiệp. Vua chuẩn y như lời bàn và cho thi hành” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1994, tr.83).

Việc chúc lượng chương trình giảng dạy có liên quan trực tiếp đến nội dung khảo hạch và thi cử. Cụ thể, trước đó, trong các kỳ thi học trò, khảo quan lại, ai làm thơ phú mà không đúng vận đều bị đánh hỏng, như vậy vô hình trung, người có tài lại bị bó hẹp trong khuôn mẫu cứng nhắc và khó vượt qua. Cho nên vua bèn xuống dụ cho bộ Lễ rằng: “Văn thơ rất là khó nhớ, khi làm câu thơ, vì vận hạn chế, dù có cái ý hay không sao phát triển ra được, vậy người có tài trác lại bị bó buộc trong mực thước, thế có phải là ý triều đình cất nhắc nhân tài không?” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1994, tr.85). Thêm nữa, “Trước nay thi Hương, thi Hội, Điện thí, văn sách ra hỏi có đến ba bốn năm trăm chữ trở lên, mà bóng nắng ngoài thêm, chỉ tranh nhau có một ngày dài, nếu phải đem đầu đề viết tinh vi ra thì phí mất bao công phu, dù có tài tứ hay cũng bị sức ngày giờ áp bách, không thể phát triển hết được uẩn súc. Vậy chuẩn cho đầu đề văn sách hỏi, đều được miễn tinh tả, để cho người có nhân tài thực học mô tả hết được uẩn khúc” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1994, tr.90).

Như vậy, vừa là bậc quân vương, vừa là nhà nho uyên bác, vua Minh Mệnh không chấp nhận sự bó hẹp trong khuôn mẫu giáo dục - khoa cử truyền thống Trung Hoa và Việt Nam vốn duy trì trong thời gian dài lối học từ chương cốt để đi thi. Dù những người đỗ đạt ngày càng đông, song năng lực thực chất của họ không đáp ứng được yêu cầu của triều đình. Biện pháp khảo hạch quan lại để đánh giá trình độ quan lại, suy cho cùng, là bất đắc dĩ bởi lẽ kết quả khảo hạch bao giờ cũng đi sau thực tiễn hoạt động của họ, nếu vì năng lực kém cỏi mà thực thi quyền lực do triều đình giao phó thì hậu quả gây ra thật khôn lường. Chính vì vậy, vua Minh Mệnh đã chú ý ngay từ việc giảng tập ở Quốc tử giám cũng như các trường lớp ở địa phương, thông qua các kỳ khảo hạch chặt chẽ để lấy người đi thi Hương, thi Hội. Những chỉ dụ, mệnh lệnh và chiếu chỉ của nhà vua vừa phù hợp với nhu cầu thực tiễn, vừa khuyến khích bằng vật chất lại vừa kết hợp với việc phạt đối với những trường hợp vi phạm quy định của triều đình về giáo dục - khoa cử. Điều này cho thấy quan điểm giáo dục của vua Minh Mệnh mang ý nghĩa thực học rất cao, trong đó học thật, thi thật luôn được đặt lên hàng đầu để phát hiện và sử dụng nhân tài cho đất nước.

Tuy nhiên, với khái niệm “nhân tài”, ngoài nội hàm đạo đức, đặc biệt là đạo đức “trung quân ái quốc”, thì tài năng trước hết là ở phương diện văn học theo tinh thần Nho giáo. Nền văn học này vốn chú trọng đến hình thức thơ phú như một phương tiện truyền tải hiệu quả nhất tôn chỉ mục đích của Nho giáo trong lĩnh vực chính trị, đạo đức là xây dựng một xã hội trị bình, hài hòa trên nền tảng các chuẩn mực đạo đức xã hội và cá nhân. Chính vì vậy, vua Minh Mệnh rất quan tâm đến lĩnh vực văn học nghệ thuật, đặc biệt là *thơ phú đắc*³ (Nguyễn Huy Khuyến, 2020), tuy số lượng các trước tác theo thể thơ này chỉ chiếm

³ *Thơ phú đắc*: là lối “trực trần kỳ sự”, trình bày sự việc cụ thể của đầu đề, thường là một câu thơ, hoặc một câu tục ngữ, phong dao, một thành ngữ. Người làm phú đắc cần diễn cho rõ và hết ý đầu bài, theo đầu bài thực sát mà không được phạm đề. Việc giải thích và phát triển ý từ nội dung của các đầu đề nói trên một cách phù hợp nhất bằng một bài thơ gọi là thơ phú đắc.

một tỷ trọng khiêm tốn (87/3.600 bài) trong tổng số các bài thơ của ông còn lưu lại. Thể thơ này rất phù hợp với tâm thế của người chấp chính vì nó mang ý nghĩa thông diễn (hermeneutike) cao khi kiến giải nội dung của một đầu đề được lấy từ một câu thơ, một câu tục ngữ, phong dao hoặc thành ngữ nào đó. Là người luôn kính trọng và nể phục tố chất “hùng tài, đại lược” của vua Lê Thánh Tông, vị vua đã đưa triều đại Lê sơ lên đỉnh cao của sự thịnh trị. Với tâm thế muốn trở thành “một Lê Thánh Tông” của vương triều Nguyễn, từ góc độ văn hóa vua Minh Mệnh từng nói: “Nước Việt ta mở nước bằng văn hiến, các bậc vua hiền đời trước đều có, duy Lê Thánh Tông thì không phải là đời nào cũng có. Những phép hay chính tốt chép cả ở trong sử sách, lại còn khi rảnh việc thì lấy văn nghệ làm vui, trước tác rất nhiều, tiếng hay phong nhã vẫn còn văng vẳng bên tai mọi người. Trẫm nhớ đến cổ nhân rất lấy làm kính mến” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1963, tr.203). Tuy nhiên, ông vẫn cảm nhận có điều gì đó còn thiếu ở thơ của vua Lê Thánh Tông. Ông muốn nghe ý kiến của quần thần về thơ của mình so với thơ Lê Thánh Tông, nhân đó hỏi Phan Bá Đạt: “Thơ của trẫm đối với thơ Lê Thánh Tông thế nào?”, Bá Đạt thưa rằng: “Thơ Thánh Tông phần nhiều là cần cho điều luyện, còn thơ ngự chế thì theo tình cảnh tả ra, cần phát minh về đạo trị bình, mà lời thơ thấy hùng hồn”. Vua bảo rằng: “Khi nhàn hạ vua tôi cùng nhau ngâm thơ để làm vui, hoặc khi cùng ngụ cái ý khuyên răn, há chẳng phải lấy đấy làm công vụ cho trị bình ư!” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1994, tr.90).

Nhận xét của Phan Bá Đạt rõ ràng là ngụ ý về thể thơ phú đắc vốn được Minh Mệnh ưa chuộng, nó hoàn toàn phù hợp và khác biệt với thơ của các “văn sĩ”, vì vậy, Minh Mệnh nói về *thể* và *dụng* của thơ như sau: “Phàm làm thơ mà dùng chữ, cần phải bình thường dễ hiểu, ngâm đọc lâu càng thấy cái ý vị sâu xa, nếu dùng chữ hiểm hóc, quái dị để cho đẹp lời, coi lâu thấy nhạt mà vô vị như thế thì dùng làm gì” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1994, tr.91). Hơn nữa, “Thơ phải luyện cái linh tính hơn các ý muốn khác, nhưng cái học của Đế vương khác với người thư sinh, tuy là ngâm vịnh, trong vẫn ngụ ý vua với nước, với nhân dân, nếu không thì cũng là một văn sĩ thôi, thì sao có hơn được... Bởi thế trẫm mỗi khi có làm được bài nào, tất phải đưa cho bọn các người xem, đó là muốn tham khảo ý kiến mọi người, không một lời nói nào khác cả, vậy không biết thơ của trẫm đã vào hạng điển nhã chưa, và có thể truyền về đời sau được hay không!” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1994, tr.91).

Như vậy, vua Minh Mệnh cho rằng, thơ và bốn phận trị nước của bậc quân vương có mối quan hệ mật thiết với nhau, trong đó thơ “làm công vụ cho trị bình”, là lời huấn thị bằng nghệ thuật thi ca để cảm hóa con người một cách hiệu quả hơn. Nếu như vua Lê Thánh Tông đứng đầu nhóm Tao Đàn với 28 nhà thơ xuất sắc (nhị thập bát tú) chuyên bình thơ của vua, nối tiếp dòng mạch thơ của vua bằng những ngôn từ tinh xảo để diễn tả cái đẹp của cảnh vật, thì ở vua Minh Mệnh, thơ ông làm được quần thần bình phẩm để sao cho dễ đọc, dễ hiểu và dễ thấy trong đó “cái ý vị sâu xa”. Theo vua Minh Mệnh, nếu thơ ông đạt đến đỉnh cao nghệ thuật thi ca như vậy, sẽ thuộc “hạng điển nhã” và “có thể truyền về đời sau”. Đó cũng là tâm thế, là nỗ lực của ông để trở thành “Lê Thánh Tông của Vương triều Nguyễn”.

4. Quan niệm của vua Minh Mệnh về vấn đề bảo tồn các giá trị văn hóa dân tộc

Trên đây, chúng tôi đã đề cập đến quan niệm về vai trò của quân vương “hùng tài, đại lược”, những ông vua “mở nước bằng văn hiến” mà tiêu biểu là Lê Thánh Tông, người được vua Minh Mệnh coi như một tấm gương về trị nước cũng như làm rạng rỡ nền văn hiến đó bằng văn hóa nghệ thuật. Đến lượt mình, chính Minh Mệnh đã thể hiện sự trân trọng đối với các di sản tinh thần quý giá do tiền nhân để lại cho dân tộc bằng cách kêu gọi sưu tầm và biên soạn các di sản đó trong dân gian. Cụ thể, vào năm Minh Mệnh thứ mười bảy (1836), vua xuống dụ cho bộ Lễ rằng: “Nước An Nam từ đời Hồng Bàng trở xuống, người bầy tôi trung, người con hiếu thường không thiếu người, mà giống vật kỳ dị như rồng, rắn, chim muông ra báo điềm lành lại cũng không ít, trước nay phần nhiều nhà dân truyền lại, mà không có ghi chép để khảo cứu, nay cũng nên tìm kiếm mọi nơi xem xét cho rộng” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1994, tr.92).

Đối với lĩnh vực văn học, vua Minh Mệnh rất quan tâm đến trước thuật của các danh thần văn sĩ các đời trước. Năm Minh Mệnh thứ hai mươi, “vua sai các quan địa phương tìm kiếm các thơ văn cũ còn lại trong nước, bèn xuống dụ rằng: “Nước Đại Nam ta vốn xưng là văn hiến, những danh thần văn sĩ các đời không thiếu gì người, trong khoảng ấy tất cũng có nhiều văn trước thuật, chỉ vì trước nay không chép thành sách, đến nỗi mất mát không kiếm ra được. Nay truyền dụ cho các quan địa phương dò hỏi các quan lại, sĩ, thứ dân, nhà ai còn cất giữ các tác phẩm thơ vịnh, minh ký (tức văn bia) hoặc từ phú, không kể lâu đời hay gần đây kẻ nguyện đem dâng lên thì khen thưởng, kẻ không muốn nộp quan thì mượn nguyên bản sao ra, giao cho Viện hàn lâm bộ Lễ chọn những tác phẩm hay, gộp lại làm thành sách, gọi là *Nam Thổ Anh Ba lục* khắc bản in, để tỏ ra triều đình chú trọng đến việc văn” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1994, tr.99-100). Để chứng minh cho quan điểm của triều đình về việc văn, vua Minh Mệnh đã sai thị thần Trương Đăng Quế và Lê Văn Đức đọc các bài thơ vịnh Hà Tiên của Nguyễn Cư Trinh và Mạc Thiên Tứ. Tâm đắc với bài *Kim dũ lan đào* của Nguyễn Cư Trinh, ông nói: “Ngắm ý nói trong câu thơ thì Nguyễn Cư Trinh có cái tài làm đại thần đảm nhiệm trọng trách trong nước vậy” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1994, tr.100).

Không chỉ việc văn, việc biên soạn các bộ sử cũng được triều đình hết sức quan tâm. Vua giao cho Trương Đăng Quế làm tổng tài sở Thực lục, đồng thời giao nhiệm vụ cho sở này “ghi chép để sự tích rõ ràng về sau... phải có người kỳ cựu tham khảo việc đã qua, ngõ hầu bỏ khuyết cho văn hiến” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1994, tr.99). Các sự tích đó được khai thác từ các quan trong Nam và ngoài Bắc, cả những người đã nghỉ hưu hay đương chức, thậm chí từ một người dân thường cao tuổi nắm được các sự tích đều được vua khuyến khích “hỏi kỹ ghi chép lấy để đủ tài liệu làm sử, tham khảo như thế chính là cái ý chấp nhặt da con hổ mà làm áo cừu” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1994, tr.99). Ngoài văn và sử, vua Minh Mệnh còn chú ý đến việc biên soạn danh pháp các loại động thực vật trong nước để tiện tham khảo. Điều đó cho thấy, vua Minh Mệnh là người có tầm nhìn khoa học khá đa diện về sự vật và hiện tượng mà trước đó chúng ta ít thấy ở các bậc quân vương khác. Ông nói với Tham tri bộ Lễ Phan Bá Đạt rằng: “Tên các cỏ cây chim muông,

trước nay theo nhau xung hô, phần nhiều chưa được rõ ràng, cũng nên một phen khảo cứu để gọi đúng tên. Vậy nên chọn người chức Quang lộc, Thái thường và thuộc viên ở nhà nào ít việc, đều lấy một hai người, trước hết đem những loài chim cá ra tham khảo bàn định với nhau mà ghi chép thành sách” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1994, tr.101).

5. Kết luận

Vua Minh Mệnh là một trong số ít các bậc quân vương trong lịch sử chế độ phong kiến quan tâm đến các vấn đề của văn hóa, từ văn hóa đọc cho đến lĩnh vực sưu tầm văn hóa dân gian. Ông khẳng định, nước ta trong các thời kỳ lập quốc cũng như kiến thiết đất nước, đều lấy văn hiến làm nền tảng. Do đó, không phải ngẫu nhiên mà khái niệm “sùng văn” (sùng bái văn hóa, văn hiến) trở thành tiêu đề của thiên thứ mười bảy của sách “Minh Mệnh chính yếu. Với tư cách là người đứng đầu một triều đại, vua Minh Mệnh không chỉ thể hiện tâm thế “sùng văn”, mà còn có những đóng góp lý luận cho văn học nghệ thuật, sử học và các bộ môn khoa học khác cho đất nước. Ông luôn chú trọng đến sự phát triển văn hóa dân tộc trên cơ sở trân trọng, tìm tòi và nghiên cứu di sản văn hóa dân tộc, khích lệ tinh thần sáng tạo ra những cái mới để làm cho nền văn hiến của đất nước ngày càng phong phú thêm. Điều dễ dàng nhận thấy ở ông là quan niệm đúng đắn về các loại hình văn hóa cũng chính là những nhân tố tích cực nhằm thúc đẩy văn hóa chính trị của ông đi đúng quỹ đạo của đường lối trị nước theo tinh thần Nho giáo và phù hợp với thực tiễn đời sống chính trị - xã hội của đất nước dưới thời trị vì của ông.

Ngày nay, các vấn đề văn hóa mà vua Minh Mệnh quan tâm vẫn có nhiều giá trị giàu tính thực tiễn, chẳng hạn như cách thức và nội dung giáo dục của triều Nguyễn và của đất nước hiện nay tuy có khác về bản chất, song yêu cầu “học thật, thi thật và nhân tài thật” rõ ràng có nhiều sự tương đồng. Học thật, thi thật không chỉ là một trong những phương diện của thực học, mà còn là mệnh lệnh đạo đức đối với người học và các nhà quản lý giáo dục. Điều này còn liên quan đến vận mệnh của đất nước, bởi thiếu nhân tài thật thì đất nước sẽ bị tụt hậu, kém phát triển so với thời đại. Chúng tôi hy vọng Đảng và Chính phủ, đặc biệt là Bộ Giáo dục và Đào tạo, cần đưa vấn đề “học thật, thi thật và nhân tài thật” thành chương trình nghị sự của công cuộc “đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục” nước ta hiện nay. Với tinh thần “ôn cố nhi tri tân”, việc tham khảo kinh nghiệm lịch sử từ quan niệm của vua Minh Mệnh về văn hóa nói chung, văn hóa giáo dục - khoa cử nói riêng là hoàn toàn có ý nghĩa đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo ở nước ta hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Quốc sử quán triều Nguyễn (1963), *Đại Nam thực lục chính biên*, t.10, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Quốc sử quán triều Nguyễn (1994), *Minh Mệnh chính yếu*, t.3, Nxb Thuận Hóa, Huế.
3. Nguyễn Huy Khuyến (2020), “Thê thơ phú đặc trong thơ ngự chế của Hoàng đế Minh Mệnh”, <https://text.123docz.net/document/6990906-the-tho-phu-dac-trong-tho-ngu-che-cua-hoang-de-minh-menh.htm>, truy cập ngày 2/6/2021.

